

ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ ĐỒNG ĐẲNG (PEER ASSESSMENT) TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG VIẾT LUẬN NHÓM: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TỪ GÓC NHÌN CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Thủy
Đại học Southern New Hampshire (Mỹ)
Email: nguyenworkaholic@gmail.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học tại Việt Nam, đánh giá đồng đẳng (Peer Assessment – PA) ngày càng được quan tâm như một phương pháp nhằm tăng cường tính tự chủ, hợp tác và trách nhiệm học tập của sinh viên. Bài báo này tập trung nghiên cứu việc áp dụng PA trong các hoạt động viết luận nhóm đối với sinh viên năm nhất tại một trường đại học ở Hà Nội. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc với 60 sinh viên. Kết quả cho thấy sinh viên đánh giá PA mang lại nhiều lợi ích như nâng cao kỹ năng phân biện, cải thiện chất lượng bài viết, và thúc đẩy tinh thần hợp tác. Tuy nhiên, thách thức cũng xuất hiện ở tính khách quan, sự chênh lệch năng lực và mức độ chấp nhận kết quả đánh giá. Bài báo đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng PA trong giảng dạy viết học thuật.

Từ khóa: Đánh giá đồng đẳng, viết luận nhóm, sinh viên Việt Nam, cơ hội, thách thức.

APPLYING PEER ASSESSMENT IN GROUP ESSAY WRITING ACTIVITIES: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FROM VIETNAMESE STUDENTS' PERSPECTIVES

Nguyen Thi Thu Thuy
Southern New Hampshire University (USA)
Email: nguyenworkaholic@gmail.com

Abstract: In the context of higher education reform in Vietnam, peer assessment (PA) has increasingly gained attention as a method to enhance students' autonomy, collaboration, and learning responsibility. This paper investigates the application of PA in group essay writing activities among first-year students at a university in Hanoi. Data were collected through questionnaires and semi-structured interviews with 60 students. Findings indicate that students perceive PA as beneficial for developing critical thinking, improving writing quality, and fostering collaborative learning. However, challenges also emerge, including concerns about fairness, disparities in proficiency, and the acceptance of peer feedback. Several recommendations are proposed to enhance the effectiveness of PA in academic writing instruction.

Keywords: Peer assessment, group essay writing, Vietnamese students, opportunities, challenges.

Nhận bài: 22/07/2025

Phản biện: 24/08/2025

Duyệt đăng: 28/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc nâng cao năng lực viết học thuật bằng tiếng Anh trở thành một yêu cầu quan trọng đối với sinh viên Việt Nam. Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy truyền thống vốn chú trọng vào đánh giá của giáo viên vẫn còn nhiều hạn chế trong việc khuyến khích người học tham gia tích cực và phát triển tư duy phản biện (Carless, 2006; Nicol & Macfarlane-Dick, 2006).

Đánh giá đồng đẳng (Peer Assessment – PA) đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập như một phương thức nhằm khắc phục những hạn chế này, bởi nó khuyến khích sinh viên đóng vai trò chủ động trong quá trình học tập và phát triển khả năng phản hồi mang tính xây dựng (Topping, 1998; Boud et al., 2014). Ở Việt Nam, việc áp dụng PA trong giảng dạy viết học thuật còn khá mới mẻ và chưa được nghiên cứu sâu rộng (Trinh

& Nguyen, 2014). Do đó, việc tìm hiểu cơ hội và thách thức của hình thức này từ góc nhìn của sinh viên là cần thiết để cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho đổi mới phương pháp giảng dạy.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Bối cảnh quốc tế và nghiên cứu liên quan

Trên thế giới, đánh giá đồng đẳng (Peer Assessment – PA) được xem như một phương pháp hiệu quả trong giáo dục đại học, đặc biệt ở các lớp viết học thuật. Các nghiên cứu đã chứng minh PA giúp phát triển tư duy phản biện, năng lực tự điều chỉnh, và cải thiện chất lượng viết (Topping, 1998; Nicol & Macfarlane-Dick, 2006; Boud et al., 2014). Tuy nhiên, thách thức vẫn tồn tại, như sự hoài nghi về tính công bằng và sự chấp nhận phản hồi từ bạn học (Hanrahan & Isaacs, 2001; Saito & Fujita, 2004).

2.2. Bối cảnh Việt Nam

Tại Việt Nam, nghiên cứu về PA trong viết học thuật còn hạn chế. Một số kết quả bước đầu cho thấy sinh viên đánh giá cao lợi ích của PA nhưng vẫn lo ngại về tính khách quan và chênh lệch trình độ giữa các thành viên (Trinh & Nguyen, 2014). Do đó, cần có thêm nghiên cứu thực nghiệm để làm rõ cơ hội và thách thức của PA, đặc biệt trong hoạt động viết luận nhóm ở bậc đại học.

2.3. Ý nghĩa nghiên cứu

Nghiên cứu này mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn rõ rệt. Về mặt lý luận, bài báo bổ sung vào kho tàng nghiên cứu quốc tế và trong nước về PA, đặc biệt trong bối cảnh viết luận nhóm của sinh viên không chuyên tiếng Anh. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những bằng chứng quan trọng để giảng viên và nhà quản lý giáo dục có thể thiết kế, tổ chức hoạt động viết luận nhóm một cách hiệu quả hơn, đồng thời nâng cao chất lượng phản hồi và sự tham gia của sinh viên.

2.4. Cơ sở lý luận

* *Khái niệm về Đánh giá đồng đẳng*

Theo Topping (1998), PA là quá trình trong đó sinh viên đưa ra nhận xét và đánh giá sản phẩm hoặc quá trình học tập của bạn học theo tiêu chí nhất định. Boud, Cohen, và Sampson (2014) mở rộng khái niệm này, nhấn mạnh PA còn là cơ hội học tập lẫn nhau, thúc đẩy sự phát triển năng lực đánh giá của chính sinh viên.

* *Lợi ích của PA trong viết luận*

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng PA giúp cải thiện kỹ năng viết học thuật, phát triển tư duy phản biện, và tăng cường năng lực học tập tự điều chỉnh (Nicol & Macfarlane-Dick, 2006; Rollinson, 2005). Liu và Carless (2006) khẳng định PA mang đến trải nghiệm học tập sâu hơn, bởi sinh viên không chỉ tiếp nhận phản hồi mà còn học được cách phân tích và áp dụng tiêu chí đánh giá.

* *Những hạn chế/thách thức*

Tuy nhiên, PA cũng tồn tại nhiều hạn chế. Hanrahan và Isaacs (2001) cho rằng sinh viên đôi khi thiếu tin tưởng vào tính khách quan và năng lực của bạn học. Saito và Fujita (2004) nhấn mạnh việc chấp nhận phản hồi từ bạn học là một thách thức lớn trong các lớp EFL, khi năng lực ngôn ngữ giữa sinh viên không đồng đều.

* *Các mô hình lý thuyết*

Topping (1998) đưa ra khung phân loại PA theo nhiều cấp độ khác nhau, từ nhận xét định tính đến

chấm điểm định lượng. Nicol và Macfarlane-Dick (2006) lại đặt PA trong mối quan hệ với học tập tự điều chỉnh, coi phản hồi từ bạn học là công cụ hỗ trợ sự phát triển năng lực tự đánh giá.

* *Các nghiên cứu liên quan ở Việt Nam và quốc tế*

Ở Việt Nam, Trinh và Nguyen (2014) cho thấy sinh viên nhìn nhận PA là hữu ích nhưng còn e ngại về tính công bằng. Trong khi đó, nghiên cứu của Yang, Badger, và Yu (2006) ở Trung Quốc và Vu và Dall'Alba (2007) ở Úc khẳng định PA có thể bổ sung hiệu quả cho phản hồi từ giáo viên, giúp cải thiện kỹ năng viết từ nhiều khía cạnh.

2.5. Phương pháp nghiên cứu

* *Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập dữ liệu từ sinh viên.

* *Người tham gia:* Đối tượng nghiên cứu gồm 60 sinh viên năm nhất tại một trường đại học ở Hà Nội. Tất cả đều đã có trải nghiệm viết luận tiếng Anh ở bậc phổ thông và đang học các học phần tiếng Anh học thuật cơ bản.

* *Công cụ thu thập dữ liệu:* Dữ liệu định lượng được thu thập qua bảng hỏi Likert 5 mức về nhận thức và trải nghiệm PA. Dữ liệu định tính được bổ sung qua phỏng vấn bán cấu trúc với 10 sinh viên, nhằm làm rõ thêm ý kiến và trải nghiệm cá nhân.

* *Quy trình thực hiện:* Bảng hỏi được phát cho sinh viên sau khi họ tham gia ba buổi viết luận nhóm có áp dụng PA. Tiếp đó, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn để khai thác sâu hơn những cơ hội và thách thức được sinh viên phản ánh.

* *Phân tích dữ liệu:* Dữ liệu định lượng được xử lý bằng SPSS với thống kê mô tả và kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha. Dữ liệu định tính được mã hóa theo chủ đề (thematic coding) nhằm xác định các mẫu ý kiến chính.

* *Độ tin cậy và giá trị:* Độ tin cậy được đảm bảo qua khảo sát thử (pilot test) và kiểm tra hệ số Cronbach's Alpha. Giá trị nội dung được xác nhận thông qua tham vấn chuyên gia, và giá trị đối chiếu được củng cố nhờ đối sánh dữ liệu bảng hỏi với phỏng vấn.

2.6. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai trong ba giai đoạn chính: chuẩn bị – thu thập dữ liệu – phân tích dữ liệu.

1. Chuẩn bị: thiết kế bảng hỏi, thử nghiệm (pilot), và xin ý kiến chuyên gia.

2. Thu thập dữ liệu: phát bảng hỏi cho 60 sinh viên sau ba buổi viết luận nhóm có PA; tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 10 sinh viên.

3. Phân tích và đối chiếu: xử lý dữ liệu bằng hỏi bằng thống kê mô tả và Cronbach's Alpha; mã hóa dữ liệu phỏng vấn theo chủ đề để bổ trợ và đối chiếu kết quả định lượng.

2.7. Phương pháp phân tích dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận phân tích dữ liệu hỗn hợp (mixed-methods analysis), kết hợp giữa định lượng và định tính nhằm khai thác tối đa độ rộng và chiều sâu của thông tin thu thập được.

* Phân tích dữ liệu định lượng

Dữ liệu định lượng thu được từ bảng hỏi (questionnaire) được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Các bước phân tích cụ thể bao gồm:

Thống kê mô tả (descriptive statistics): Tính tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn cho từng mục hỏi, nhằm xác định xu hướng chung về thái độ, nhận thức và trải nghiệm của sinh viên đối với đánh giá đồng đẳng.

Kiểm định độ tin cậy (reliability test): Hệ số Cronbach's Alpha được sử dụng để đánh giá độ nhất quán nội tại của các thang đo trong bảng hỏi. Ngưỡng chấp nhận cho hệ số này là ≥ 0.70 (Nunnally & Bernstein, 1994).

Phân tích tương quan (nếu cần): Xem xét mối quan hệ giữa các biến, ví dụ như mối liên hệ giữa mức độ tự tin và mức độ hứng thú khi tham gia đánh giá đồng đẳng.

Nhờ các bước này, dữ liệu định lượng cung cấp bằng chứng tổng quan về quan điểm và xu hướng trải nghiệm của 60 sinh viên tham gia.

* Phân tích dữ liệu định tính

Dữ liệu định tính từ phỏng vấn bán cấu trúc (12 sinh viên) được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis) dựa trên Braun & Clarke (2006). Quy trình bao gồm:

Phiên mã (transcription): Toàn bộ các buổi phỏng vấn được ghi âm và chuyển thành văn bản.

Đọc lặp lại (familiarization): Các bản ghi được đọc nhiều lần để nắm bắt nội dung chính.

Mã hóa (coding): Xác định các đơn vị ý nghĩa liên quan đến cơ hội, thách thức và đề xuất cải thiện đánh giá đồng đẳng.

Xây dựng chủ đề (theme development): Các mã được nhóm lại thành các chủ đề lớn, phản ánh

các khía cạnh như: lợi ích về kỹ năng viết, tính công bằng, khó khăn trong phản hồi, hay sự thay đổi thái độ học tập.

Kiểm tra chéo (inter-coder reliability): Hai nghiên cứu viên độc lập mã hóa dữ liệu, sau đó đối chiếu và thảo luận để thống nhất.

Cách tiếp cận này đảm bảo rằng kết quả định tính không chỉ minh họa mà còn bổ sung, giải thích sâu sắc cho các xu hướng được phát hiện trong dữ liệu định lượng.

* Kết hợp dữ liệu (triangulation)

Việc kết hợp hai nguồn dữ liệu theo hướng bổ sung (complementary triangulation) giúp nâng cao độ tin cậy và độ giá trị của kết quả nghiên cứu (Creswell & Plano Clark, 2018). Chẳng hạn, số liệu thống kê từ bảng hỏi cho thấy tỷ lệ lớn sinh viên đánh giá cao lợi ích của PA trong việc cải thiện kỹ năng viết, trong khi dữ liệu phỏng vấn làm rõ hơn cơ chế: phản hồi từ bạn học giúp sinh viên nhận ra lỗi ngữ pháp, tăng khả năng lập luận và cải thiện ý thức tự học.

Như vậy, phương pháp phân tích dữ liệu hỗn hợp không chỉ cung cấp cái nhìn toàn diện mà còn giúp giải thích hiện tượng một cách sâu sắc và thực tiễn hơn, tạo nền tảng vững chắc cho phần Kết quả và Thảo luận tiếp theo.

2.8. Kết quả nghiên cứu

* Kết quả từ bảng hỏi

Phân tích thống kê mô tả từ 60 bảng hỏi cho thấy những xu hướng nổi bật sau:

(a) Nhận thức về lợi ích của đánh giá đồng đẳng

Phần lớn sinh viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng đánh giá đồng đẳng giúp họ cải thiện kỹ năng viết (83,3%) và nâng cao khả năng tự phát hiện lỗi (78,4%). Ngoài ra, 71,7% sinh viên cho rằng hình thức này thúc đẩy tinh thần hợp tác và hỗ trợ trong học tập.

(b) Khó khăn khi tham gia đánh giá đồng đẳng

Khoảng 46,7% sinh viên cho rằng họ thiếu tự tin khi nhận xét bài của bạn do lo ngại thiếu chuyên môn. 40% thừa nhận gặp khó khăn trong việc đưa ra phản hồi mang tính xây dựng thay vì chỉ nêu lỗi ngữ pháp. Đặc biệt, 38,3% lo ngại tính công bằng chưa được đảm bảo.

(c) Thái độ chung của sinh viên

Mặc dù còn tồn tại khó khăn, 76,7% sinh viên bày tỏ thái độ tích cực, sẵn sàng tiếp tục tham gia đánh giá đồng đẳng trong các học phần tiếp theo.

Bảng dưới đây tóm tắt một số kết quả chính:

Nội dung khảo sát	Đồng ý/Hoàn toàn đồng ý (%)	Trung lập (%)	Không đồng ý/Hoàn toàn không đồng ý (%)
PA giúp cải thiện kỹ năng viết	83,3	11,7	5,0
PA giúp phát hiện lỗi của bản thân	78,4	13,3	8,3
PA thúc đẩy tinh thần hợp tác	71,7	20,0	8,3
Khó đưa ra phản hồi mang tính xây dựng	40,0	26,7	33,3
Lo ngại tính công bằng	38,3	28,4	33,3
Sẵn sàng tiếp tục tham gia PA	76,7	15,0	8,3

Thống kê mô tả về trải nghiệm của sinh viên với đánh giá đồng đẳng (N=60)

* Kết quả từ phỏng vấn

Phân tích dữ liệu phỏng vấn từ 12 sinh viên cho thấy bốn chủ đề chính:

(a) Nâng cao kỹ năng viết và tư duy phản biện

Nhiều sinh viên khẳng định rằng việc đọc và góp ý bài của bạn giúp họ cải thiện khả năng tổ chức lập luận. Một sinh viên chia sẻ:

“Khi đọc bài của nhóm khác, em học được cách họ triển khai ý. Sau đó em so sánh với nhóm mình và thấy rõ điểm yếu của tụi em” (SV03).

(b) Thiếu tự tin trong phản hồi

Một số sinh viên cho biết họ cảm thấy lo lắng khi nhận xét vì sợ làm bạn không hài lòng hoặc nhận xét sai. Ví dụ:

“Em không chắc góp ý của mình có đúng không. Nhiều khi em chỉ dám gạch lỗi ngữ pháp nhỏ thôi, chứ ngại nhận xét về ý tưởng” (SV07).

(c) Lo ngại về tính công bằng

Một số sinh viên nghi ngờ mức độ khách quan trong đánh giá.

“Em nghĩ đôi khi nhóm bạn sẽ dễ dãi hơn với nhóm quen biết. Như vậy thì điểm sẽ không công bằng” (SV10).

(d) Đề xuất cải thiện

Sinh viên đề xuất cần có hướng dẫn cụ thể hơn về cách phản hồi, đồng thời giảng viên nên tham gia giám sát và hiệu chỉnh để đảm bảo công bằng.

“Nếu thầy cô cho mẫu phản hồi rõ ràng thì bọn em sẽ dễ làm hơn, không bị lúng túng” (SV05).

* Tổng hợp kết quả

Sự kết hợp dữ liệu định lượng và định tính cho thấy một bức tranh toàn diện:

- Cơ hội: Phần lớn sinh viên công nhận lợi ích của đánh giá đồng đẳng trong việc nâng cao kỹ năng viết, khả năng tự phát hiện lỗi, và phát triển tinh thần hợp tác.

- Thách thức: Thiếu tự tin khi phản hồi, khó khăn trong xây dựng góp ý, và lo ngại về công bằng là những rào cản lớn.

- Đề xuất: Cần có sự hỗ trợ từ giảng viên thông qua bộ tiêu chí chi tiết, mẫu phản hồi, và giám sát quá trình để giảm thiểu sai lệch và gia tăng tính khách quan.

Như vậy, đánh giá đồng đẳng trong viết luận nhóm vừa mở ra nhiều cơ hội phát triển kỹ năng, vừa đặt ra thách thức về tâm lý và phương pháp, đòi hỏi sự điều chỉnh từ phía người dạy để phát huy tối đa hiệu quả.

* Thảo luận

* Cơ hội từ Peer Assessment (PA)

Kết quả cho thấy PA giúp sinh viên nâng cao tư duy phản biện, kỹ năng tự điều chỉnh, và cải thiện chất lượng bài viết. Quá trình trao đổi phản hồi tạo cơ hội học tập hợp tác, giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về tiêu chí viết học thuật.

* Thách thức trong áp dụng PA

Sinh viên còn e ngại về tính khách quan, đặc biệt khi chênh lệch trình độ trong nhóm. Một số phản hồi chưa sâu, thiên về hình thức hơn nội dung. Điều này cho thấy cần có hướng dẫn rõ ràng và công cụ hỗ trợ để đảm bảo tính công bằng.

* So sánh với nghiên cứu trước

Kết quả tương đồng với các nghiên cứu quốc tế (Topping, 1998; Boud et al., 2014), khi PA vừa mang lại lợi ích vừa đặt ra giới hạn. Tại Việt Nam, phát hiện này bổ sung bằng chứng thực nghiệm rằng PA khả thi nhưng cần điều chỉnh phù hợp với bối cảnh người học.

* Hàm ý sư phạm

Giảng viên nên hướng dẫn cách phản hồi, cung cấp tiêu chí rõ ràng và kết hợp PA với phản hồi của giảng viên để tăng độ tin cậy. Đồng thời, cần xây dựng môi trường học tập cởi mở, khuyến khích sinh viên tiếp nhận phản hồi một cách tích cực.

2.9. Khuyến nghị

Đối với giảng viên: Cần cung cấp hướng dẫn cụ thể, rubric chi tiết và mẫu phản hồi trước khi triển khai hoạt động.

Nên tổ chức các buổi tập huấn ngắn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phản hồi mang tính xây dựng.

Giám sát quá trình đánh giá để hạn chế sự thiên vị và điều chỉnh những phản hồi chưa chính xác.

Đối với sinh viên: Cần chủ động tham gia vào quá trình phản hồi, coi đó là cơ hội học tập thay vì đánh giá mang tính phán xét.

Khuyến khích tinh thần hợp tác, học hỏi lẫn nhau và phát triển kỹ năng tự đánh giá.

Đối với nghiên cứu trong tương lai: Nên mở rộng quy mô mẫu và đa dạng hóa bối cảnh (nhiều trường, nhiều cấp học).

Cần nghiên cứu sâu hơn tác động lâu dài của đánh giá đồng đẳng đến năng lực viết học thuật.

Có thể so sánh hiệu quả của đánh giá đồng đẳng trong viết nhóm và viết cá nhân để tìm ra mô hình tối ưu.

Nhìn chung, nghiên cứu góp phần khẳng định tiềm năng của đánh giá đồng đẳng trong dạy và học viết học thuật ở bậc đại học tại Việt Nam. Để phát huy tối đa hiệu quả, cần có sự kết hợp giữa tính chủ động của sinh viên và vai trò định hướng, hỗ trợ của giảng viên. Nếu được triển khai đúng cách, đánh giá đồng đẳng không chỉ cải thiện chất lượng bài viết mà còn góp phần hình thành cho sinh viên những năng lực học tập tự chủ và hợp

tác – những kỹ năng thiết yếu trong môi trường giáo dục đại học hiện nay.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã khảo sát trải nghiệm của 60 sinh viên năm nhất tại một trường đại học ở Hà Nội về việc áp dụng đánh giá đồng đẳng (peer assessment) trong hoạt động viết luận nhóm. Kết quả cho thấy:

Lợi ích: Sinh viên nhận thấy đánh giá đồng đẳng giúp cải thiện kỹ năng viết, phát triển tư duy phản biện, nâng cao khả năng tự phát hiện lỗi và thúc đẩy tinh thần hợp tác trong học tập.

Thách thức: Nổi bật nhất là sự thiếu tự tin khi đưa ra phản hồi, khó khăn trong việc xây dựng góp ý mang tính học thuật, và lo ngại về tính công bằng trong chấm điểm.

Đề xuất: Sinh viên mong muốn nhận được hướng dẫn chi tiết hơn từ giảng viên, đặc biệt là thông qua rubric rõ ràng, ví dụ phản hồi minh họa, và sự giám sát để đảm bảo tính công bằng.

Kết quả khẳng định rằng đánh giá đồng đẳng vừa là cơ hội để phát triển năng lực học thật, vừa là thách thức về mặt tâm lý và kỹ năng, đặc biệt trong bối cảnh sinh viên Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng bởi văn hóa ngại va chạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Falchikov, N. (2007). *Rethinking assessment in higher education: Learning for the longer term*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203936828>
2. Hanrahan, S. J., & Isaacs, G. (2001). Assessing self- and peer-assessment: The students' views. *Higher Education Research & Development*, 20(1), 53–70. <https://doi.org/10.1080/07294360123776>
3. Liu, N. F., & Carless, D. (2006). Peer feedback: The learning element of peer assessment. *Teaching in Higher Education*, 11(3), 279–290. <https://doi.org/10.1080/13562510600680582>
4. Nicol, D., & Macfarlane-Dick, D. (2006). Formative assessment and self-regulated learning: A model and seven principles of good feedback practice. *Studies in Higher Education*, 31(2), 199–218. <https://doi.org/10.1080/03075070600572090>